

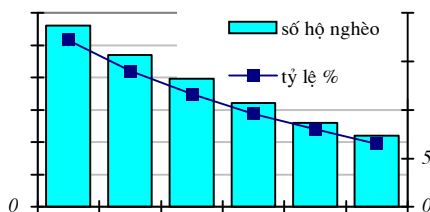
4. ĐIỀU CHỈNH CHUẨN NGHÈO MỚI - CÓ GÌ MỚI

Điều chỉnh chuẩn nghèo, hay là xác định một đường nghèo mới để xây dựng một mục tiêu giảm nghèo cho giai đoạn 2006-2010 là một yêu cầu khách quan. Việt Nam đạt tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo nhanh ở trong giai đoạn 2001-2005, trung bình mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 2,5% và ước tính, tỷ lệ hộ nghèo sẽ giảm xuống ở mức 6-7% vào năm 2005 so với mục tiêu đề ra là 10%.

Hộp: 4.1

Thành quả giảm nghèo giai đoạn 2001-2005

Trong hơn 4 năm qua, cùng với nhịp độ phát triển kinh tế xã hội, xoá đói giảm nghèo đã đạt kết quả rất quan trọng: Ngay trong năm 2001, cả nước đã giảm khoảng 450 ngàn hộ nghèo. Cuối năm 2003, tỷ lệ hộ nghèo toàn quốc đã giảm xuống dưới 10%, báo hiệu sự “về đích” sớm hơn 2 năm so với mục tiêu giảm hộ nghèo đến cuối 2005 của Chính phủ. Năm 2004, hộ nghèo tiếp tục giảm trên 300 ngàn hộ, hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống chỉ còn 8%. Theo ước tính, năm 2005 số hộ nghèo cả nước sẽ giảm ít nhất là 200 ngàn hộ và tỷ lệ hộ nghèo sẽ giảm xuống mức 6-7%. Như vậy, tính riêng trong 4 năm, 2001-2004, cả nước đã giảm hơn 1,5 triệu hộ nghèo (từ 2,8 triệu hộ xuống 1,3 triệu hộ). Trung bình mỗi năm giảm 375 ngàn hộ và tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,5%.



Có thể nói chuẩn nghèo cũ không còn phù hợp trong giai đoạn 2006-2010. Mặt khác điều chỉnh chuẩn nghèo là hoạt động có tính

tiến trình trong công cuộc xoá đói giảm nghèo của Việt Nam (từ năm 1996 đến nay đã điều chỉnh chuẩn nghèo 3 lần, theo 3 giai đoạn: 1996-1997, 1998-2000, 2001-2005).

Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định, GDP tăng bình quân khoảng 7,5%/năm; mức thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người tăng nhanh, khoảng 16-17%/năm, cho thấy đời sống người dân đã được cải thiện rất nhiều trong 5 năm qua và khẳng định khả năng tăng cường nguồn lực của cả phía Nhà nước cũng như từ cộng đồng để thực hiện mục tiêu giảm nghèo mới, cao hơn trong giai đoạn 2006-2010.

Trên thực tế, những năm qua đã có 8 tỉnh, thành phố trong cả nước áp dụng chuẩn nghèo riêng, ở mức từ 200.000-290.000 đồng/người/tháng ở nông thôn và từ 250.000-330.000 đồng/người/tháng ở thành thị.

Hội nhập quốc tế và khu vực đang đặt ra một yêu cầu đối với Việt Nam có một chuẩn nghèo “ngang bằng” với khu vực. Trong khi Ngân hàng Thế giới (WB) khuyến nghị áp dụng chuẩn nghèo ở mức 2 USD/người/ngày (sức mua tương đương) đối với các nước đang phát triển; chuẩn nghèo của Trung Quốc, Philippines hiện nay đã ở mức 2USD, còn ở Thái Lan, Malaysia đã ở mức 3 USD,... thì chuẩn nghèo áp dụng ở Việt Nam tại thời điểm năm 2004 được quy đổi theo sức mua tương đương chỉ mới là: 0,95 USD ở khu vực miền núi, 1,2 USD ở khu vực nông thôn đồng bằng và 1,7 USD ở khu vực thành thị.

Chuẩn nghèo mới đã được xây dựng như thế nào?

Chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010 được xây dựng trên cơ sở quan trọng nhất là “mức chi tiêu của hộ gia đình”. Trong đó, chi tiêu cho lương thực thực phẩm (LTTP) đảm bảo năng lượng bình quân 2.100 Kcalo/ngày/người được xem là vấn đề cốt lõi. Giá của khối lượng hàng hoá LTTP để

đảm bảo 2.100 Kcalo được tính trên cơ sở giá trung bình của khoảng 40 mật hàng LTTP thiết yếu ở từng khu vực (thành thị và nông thôn). Cơ cấu chi tiêu cho LTTP được xác định chiếm 60% trong tổng chi tiêu, còn lại 40% thuộc về chi tiêu phi lương thực-thực phẩm. Ngoài ra, cùng với kết quả dự báo về mức thu nhập của nhóm hộ có thu nhập thấp và yếu tố trượt giá (7-8%/năm), tốc độ tăng GDP (7,5-8%), mức tăng của tiền lương (10-20%) và các yêu cầu ưu tiên đầu tư, xoá đói giảm nghèo cho khu vực nông thôn miền núi. Từ năm 2006-2010, chuẩn nghèo áp dụng cho khu vực nông thôn là 200.000 đồng/người/tháng và khu vực thành thị là 260.000 đồng/người/tháng.

Phương án chuẩn nghèo này được đánh giá phù hợp với mức sống và thu nhập của dân cư nói chung, cũng như thu nhập của 20% nhóm nghèo nhất; phù hợp với tốc độ tăng của chuẩn nghèo trong cả quá trình từ năm 1996-2005; đảm bảo được khả năng huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu dự kiến và đáp ứng được yêu cầu từng bước tiếp cận và hội nhập quốc tế.

Hộp: 4.2

Diễn biến của chuẩn nghèo

Chuẩn nghèo giai đoạn 1996-1997:

Thu nhập bình quân đầu người/tháng trong hộ dưới: 15 kg gạo ở khu vực nông thôn miền núi; 20 kg gạo ở khu vực nông thôn đồng bằng và dưới 25 kg gạo ở khu vực thành thị.

Chuẩn nghèo giai đoạn 1998-2000:

Thu nhập bình quân đầu người/tháng trong hộ dưới: 15 kg gạo (tương đương 55.000 đồng) ở khu vực nông thôn miền núi; 20 kg gạo (70.000 đồng) ở khu vực nông thôn đồng bằng và dưới 25 kg gạo (90.000 đồng) ở khu vực thành thị.

Chuẩn nghèo giai đoạn 2001-2005:

Thu nhập bình quân đầu người/tháng trong hộ: 80.000 đồng ở khu vực nông thôn miền núi; 100.000 đồng ở khu vực nông thôn đồng bằng và 150.000 đồng ở khu vực thành thị.

Thực trạng nghèo và một số thách thức khi áp dụng chuẩn nghèo mới

Dự báo về tình trạng nghèo năm 2006, khi áp dụng chuẩn nghèo mới, cả nước sẽ có 4,6 triệu hộ nghèo, chiếm 26,3% tổng số hộ cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực thành thị sẽ khoảng 10%, trong khi tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn là 31%. Cơ cấu hộ nghèo giữa các khu vực thành thị - nông thôn đồng bằng - nông thôn miền núi là: 10% - 42% - 48%, tương ứng. Tỷ lệ hộ nghèo của nhóm dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi là 75%.

Một số thách thức khi áp dụng chuẩn nghèo mới

Trước hết là tình trạng thu nhập của khu vực sản xuất nông nghiệp thấp và tăng chậm, trong khi người nghèo lại tập trung chủ yếu ở khu vực này. Mấy năm gần đây, tình trạng sản xuất nông nghiệp không có lãi đã xảy ra ở nhiều nơi, đặc biệt là ở những địa bàn độc canh cây lúa, đất xấu, thiếu nước. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn hiện nay còn gặp không ít khó khăn. Do đó để tăng được thu nhập (lên trên mức 200.000 đồng/người/tháng), giảm được nghèo cho hơn 90% người nghèo, tương đương hơn 4 triệu hộ gia đình với khoảng gần 20 triệu người hiện đang sống trong khu vực nông thôn sẽ là một thách thức rất lớn trong giai đoạn mới.

Tiếp đến, là vấn đề xoá đói giảm nghèo đối với một số nhóm dân tộc ít người đang cư trú ở những vùng khó khăn: Thời gian qua, tỷ lệ hộ nghèo của hầu hết các nhóm dân tộc thiểu số đã giảm, nhưng tốc độ giảm chậm hơn nhiều so với nhóm dân tộc Kinh, Hoa.

Tỷ lệ hộ nghèo của một số nhóm dân tộc thiểu số còn ở mức cao 60-70% trong khi tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước chỉ 7-8%. Khi áp dụng chuẩn nghèo mới, tỷ lệ hộ nghèo của nhiều nhóm dân tộc thiểu số sẽ tăng lên rất cao, thậm chí có nhóm lên tới 100%, vì mức

thu nhập thực tế bình quân của nhóm dân cư này chỉ trong khoảng 100.000 đến 250.000 đồng/người/tháng. Ngoài ra, có khoảng 2 triệu người thuộc nhóm các dân tộc thiểu số sống phân tán ở những khu vực địa hình phức tạp sẽ rất khó khăn trong việc tạo điều kiện để họ tiếp cận các dịch vụ xã hội, cũng như cơ hội phát triển kinh tế, cải thiện đời sống.

ố hộ nghèo lớn, tỷ lệ hộ nghèo cao, phân bố không đều: Tỷ lệ hộ nghèo của khu vực Tây Bắc sẽ lên 60-70%, Tây Nguyên hơn 50%, Bắc Trung bộ 40%. Một số tỉnh sẽ có tỷ lệ hộ nghèo khoảng 70-80%. Như vậy, nhu cầu về nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo cũng sẽ là một trong những thách thức không nhỏ.
